



zhǒng mǎ

种马

noun · stud horse; stallion for breeding

Example Sentences

Zhè pǐ zhǒng mǎ fēi cháng qiáng zhuàng

这匹种马非常强壮。

This stud horse is very strong.

zhǒng mǎ de xuè tǒng duì hòu dài pǐn zhì hěn zhòng yào

种马的血统对后代品质很重要。

The pedigree of the stud horse is important for the quality of offspring.

Trace each character, then write the word on your own.

种	种	种	种	种	种	种	种	种	种	种
种										
马	马	马	马	马	马					